

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 7 năm 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diên

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXX-ST ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị O, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị O có mặt, anh Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Vũ Thị O có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà anh Tr ở Thôn T, xã A,

huyện Q. Năm 2019 chị đưa 02 con chung về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn V, xã A, huyện Q sinh sống để tiện cho việc bố mẹ chị phụ giúp chị chăm sóc các con. Thời gian này anh Tr vẫn đi lại chăm sóc chị và hai con. Đến khoảng tháng 7/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr có quan hệ với người phụ nữ khác và có hành vi chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang Tr.

Về con chung: Chị O xác nhận chị và anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/5/2014 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/12/2018. Cả hai con chung đều đang ở cùng với chị và học tập xã A. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Tr phải góp tiền cấp dưỡng. Hiện chị mở xưởng may tư nhân cùng với mẹ đẻ chị (bà Trương Thị H) thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng, mẹ con chị có nơi ở ổn định, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Dù anh Tr không chu cấp gì trong thời gian chị và các con ở bên ngoại nhưng chị vẫn có thể tự lo cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị O trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án anh Tr không tham gia tố tụng nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị H (là bà nội của anh Tr), sinh năm 1948, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Về hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn như Chị O trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh Tr Chị O sống cùng nhau tại nhà anh Tr ở thôn T, xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình với nhau. Khoảng đầu năm 2022, Chị O bỏ về nhà bố mẹ đẻ Chị O ở xã A, huyện Q sinh sống. Nay Chị O xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp Chị O cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh Tr và Chị O có 02 con chung đúng như Chị O trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của vợ chồng và quy định của pháp luật để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà không nắm rõ.

Bà H xác nhận anh Tr vẫn có hộ khẩu tại thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, hiện anh Tr lao động tự do tại thành phố Hải Phòng, địa chỉ cụ thể bà không rõ. Anh Tr vẫn liên lạc về gia đình, khi gia đình có công việc anh Tr vẫn về. Bà H đã nhận được các văn bản, tài liệu Tòa án gửi cho anh Tr và đã thông báo đầy đủ cho anh Tr biết, ý kiến của anh Tr là không muốn ly hôn với Chị O vì tình cảm vợ chồng vẫn

còn. Nếu Chị O cứ cương quyết ly hôn thì anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh Tr xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/12/2018 để Chị O nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/5/2014, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện gia đình anh Tr có 01 nhà cấp 4 rộng khoảng 32m², cùng một số công trình phụ trợ phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr không đề cập. Tuy nhiên anh Tr không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn T, xã A thể hiện:* Anh Tr, Chị O có mâu thuẫn về kinh tế gia đình trong quá trình chung sống, trường hợp Chị O cương quyết ly hôn, cơ sở thôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và nguyện vọng của các bên để giải quyết đơn khởi kiện của Chị O. Hiện anh Tr vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã A, huyện Q.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Vũ Thị O và anh Nguyễn Quang Tr là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà mở lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của Chị O, anh Tr được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng

02/2022 đến nay không quan tâm, hỏi han đến nhau. Thông qua gia đình anh Tr mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không thiện chí hoà giải, không tham gia tố tụng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị O, anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị O được ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị O, anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/5/2014 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/12/2018. Chị O có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh Tr phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh Tr thông qua gia đình mong muốn được nuôi cháu Thanh T, để chị O nuôi cháu Trung K nhưng không nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại Biên bản ghi lời khai của cháu Nguyễn Trung K, cháu Kiên có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Vũ Thị O. Xét thấy hiện Chị O vẫn nuôi dạy 02 con tốt, các cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường, anh Tr lại không có mặt tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho Chị O tiếp nuôi dưỡng, Chị O không yêu cầu anh Tr góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu Toà án giải quyết, anh Tr không thể hiện quan điểm vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị O được ly hôn anh Nguyễn Quang Tr.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Vũ Thị O trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/5/2014 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị O không yêu cầu anh Tr phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị O. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004614 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị O đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Vũ Thị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quang Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng